

Bản án số: 28/2020/DS-PT
Ngày: 24-4-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự -
Hợp đồng hợp tác (bền đồ)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Võ Hoàng Khải

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng hợp tác (bền đồ)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 121/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2020/QĐPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ, có mặt.

Địa chỉ: Số 95/69 ấp Thạnh X, xã Hỏa T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hồng Đ: Luật sư Trương Thanh V1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Th – Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 37, Ngõ Quốc Trị, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Thân Ngọc B.

Địa chỉ: Ấp 9, xã V2, huyện Long M, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Nhân H, có mặt.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Hoàng C, có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn B1.

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh X, xã Hỏa T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc L – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 5 Điện Biên Phủ, Phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo nguyên đơn Ông Nguyễn Hồng Đ và bị đơn ông Thân Ngọc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ trình bày: Ngày 26/6/2016 ông Đ có hợp đồng với ông B để đưa đò qua sông. Ông Đ và ông B được Sở giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang cấp phép hoạt động đưa khách sang sông theo giấy phép số 377/GPKNS cấp ngày 12/7/2016, địa điểm hoạt động là hai bờ sông Cái lớn. Ông B phụ trách bên phía ấp 9, xã V2, huyện Long M, ông Đ phụ trách bên phía ấp Thanh X, xã Hòa T, thành phố V. Để sử dụng bến đò của ông B, ông Đ phải trả số tiền 2.500.000đồng/năm tiền thuê bến đò và 50.000.000đồng ông B đã bỏ ra để đầu tư làm đường giao thông từ lộ đến bến đò (trước đây ông B đầu tư làm đường là 100.000.000đồng), phía bờ bên ấp Thanh X, xã Hòa T ông Đ thuê mặt bằng của ông Nguyễn Văn B1 để làm bến bãi với số tiền 6.000.000đồng/năm.

Theo thỏa thuận thì ông Đ và ông B sẽ thay phiên đưa đón khách, mỗi người một ngày. Tháng 9 năm 2016, ông Lê Hoàng C mua phương tiện rồi đưa đón khách vào ngày ông Đ được phân cử đưa đò. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu ông B không cho ông C đưa khách lên bến phía ông B và yêu cầu Chính quyền địa phương xử lý hành vi trái pháp luật của ông C. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Thân Ngọc B và ông Lê Hoàng C liên đới bồi thường số tiền 146.000.000đồng do không đưa đón khách được từ ngày 20/9/2016 đến ngày 12/7/2017, tiền thuê đất 6.000.000đồng, tiền đầu tư làm lộ 50.000.000đồng, tiền trả cho ông B mỗi năm 2.500.000đồng.

Bị đơn ông Thân Ngọc B có người đại diện theo ủy quyền là ông Thân Ngọc G trình bày:

Không thống nhất lời trình bày của nguyên đơn. Trước đây, ông B có hợp đồng đưa đón khách với ông Đ nhưng không nhớ rõ ngày, tháng, năm nào. Bến đò ông B và ông Đ hợp tác là một bến đò khác (đường kênh Thanh Thủy qua Kênh Tư) cách bến đò hiện đang tranh chấp khoảng 1000m gần cống kênh 5. Sau khi mở lộ thì di chuyển bến đò về vị trí bến đò hiện đang tranh chấp, ông B thuê đất của ông C để làm bến đò (bên ấp Thanh X), bên V2 thì đất nhà của ông B. Khi đó ông Đ không có đất để đưa đò nên ông B không cho ông Đ đưa chung bến đò thì ông Đ nộp đơn thưa đến UBND xã V2 và UBND xã Hòa T và được giải quyết cho hai bên tự thỏa thuận nhưng không thỏa thuận được. Ông Đ tiếp tục nộp đơn đến Sở giao thông vận tải tỉnh yêu cầu giải quyết, Sở giao thông có giải quyết nhiều lần và yêu cầu hai bên tự thỏa thuận.

Ngày 07/7/2016 tại UBND xã Hòa T ông Đ và ông B thống nhất thỏa thuận và có lập biên bản phân cử chia tài. Khi giấy phép hết hạn thì ông Đ có lên Sở giao thông để đổi giấy phép và được cấp phép, còn ông B yêu cầu đổi thì được Sở giao thông trả lời là đã hủy hồ sơ cấp phép. Do vậy, ông B bức xúc nên không cho ông Đ lên khách tại bến đò của ông B nên phát sinh tranh chấp. Lúc giải quyết tranh chấp thì ông Lữ Thành Tr (phó chánh thanh tra sở giao thông) có hứa, tạm thời cho ông Đ nhập vào bến đò của ông B khi nào ông C có phương tiện thì Sở giao thông sẽ giải quyết ngay. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền đầu tư làm lộ là 50.000.000đồng, tiền trả cho ông B mỗi năm 2.500.000đồng nhưng yêu cầu ông Đ phải bồi thường một ngày, một đêm là 1.000.000đồng. Tổng cộng 195 ngày là 195.000.000đồng tiền ông Đ đưa đò nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng, năm nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng C trình bày: Trước đây, ông và ông B có hợp đồng làm bến đò nhưng do ông không có phương tiện nên vào khoảng tháng 01/2012 thì ông B được cấp giấy phép tại bến đò xã V2 và bến đò xã Hòa T. Khi đó một mình ông B đưa đò và có thỏa thuận, khi nào ông có phương tiện thì cùng đưa đò với ông B. Vào ngày 22/5/2016 ông Lữ Thành Tr và một số cán bộ tại UBND xã V2 và UBND xã Hòa T có xuống tại bến đò, hứa hẹn tạm thời để ông Đ nhập vào bến đò của ông B khi nào ông có phương tiện thì Sở giao thông sẽ giải quyết cho ông. Ông chỉ là người dân nên nghỉ giải quyết cho ông thì giải quyết cho ông đưa đò. Ngày 10/9/2016 ông C đến UBND xã Hòa T để xin cấp phép nhưng Ủy ban xã cho rằng không thuộc thẩm quyền nên yêu cầu ông C lên Sở giao thông xin cấp phép, ông có lên Sở giao thông xin nhưng ông không được Sở cấp phép. Ông không thống nhất yêu cầu của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang có người đại diện theo ủy quyền là ông Lữ Văn S trình bày:

Sở giao thông vận tải đã phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết thỏa thuận để cùng hoạt động bến khách ngang sông tại Vàm kênh 5 (Sông Cái Lớn) giữa ông Thân Ngọc B với ông Nguyễn Hồng Đ. Ngày 10/6/2016, hai bên đã thống nhất sáp nhập bến để đối lưu, phân cử chia tải mỗi chủ bến đưa 15 ngày/tháng và được Sở giao thông vận tải cấp phép số 377/GPBKNS ngày 12/7/2016 (phía bờ xã Hòa T sử dụng trên phần đất ông B thuê của ông C và ông Đ thuê của ông Nguyễn Văn B1; phía bờ xã V2 hai bên chủ bến cùng sử dụng chung phần đất nhà của ông B). Trong giai đoạn này, ông Lê Hoàng C không có yêu cầu cũng như việc phân cử chia tải để hoạt động bến khách ngang sông tại vị trí trên.

Sau khi cấp phép hoạt động bến khách ngang sông cho ông B và ông Đ được một thời gian thì xảy ra tranh chấp giữa ông Đ và ông Lê Hoàng C (đến ngày ông Đ đưa rước khách ngang sông thì ông C lại sử dụng phương tiện tranh giành khách với ông Đ), khi hai phương tiện hoạt động cùng lúc đã xảy ra va chạm với nhau nên không đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa tại khu vực bến và gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Trong thời gian này, ông C đã gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền để xin cấp phép hoạt động bến khách ngang sông nhưng không được đồng ý (do phần đất ông C xin mở bến đã cho ông B thuê bến, ông C có cung cấp biên bản hợp đồng ký với ông B vào ngày 02/9/2014 nhưng không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã). Ông B đã không trung thực với cơ quan nhà nước khi xin phép mở bến ngang sông vì khi giải quyết sáp nhập giữa ông B và ông Đ vào ngày 10/6/2016 thì ông B không cung cấp biên bản hợp đồng trên. Khi ông C đưa đò (cơ quan không cấp phép cho ông C), ông B cũng không ngăn chặn mà phối hợp với ông C cùng hoạt động đưa rước khách nên mới xảy ra tranh chấp. Sở giao thông vận tải đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý và quyết định đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông, tại vị trí tranh chấp trên tại quyết định số 29/QĐ-SGTVT ngày 20/01/2017. Đồng thời, từ ngày 20/01/2017 đến nay Sở giao thông vận tải không cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông tại vị trí nêu trên cho ai. Việc cấp phép hoạt động bến khách ngang sông cho ông Thân Ngọc B và ông Nguyễn Hồng Đ trước đây là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B1 trình bày:
Ngày 07/6/2016 tôi có làm hợp đồng cho ông Nguyễn Hồng Đ thuê đất để làm bến đò, thời hạn thuê là 15 năm với giá cho thuê là 6.000.000đồng/năm. Ông Đ đã trả tiền thuê đất được 02 năm. Nay giữa ông Đ và ông B phát sinh tranh chấp thì tôi không có yêu cầu gì, khi nào có tranh chấp tôi sẽ khởi kiện ông Đ bằng một vụ kiện khác.

- Tại bản án sơ thẩm số 121/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ đối với bị đơn ông Thân Ngọc B.

Buộc bị đơn ông Thân Ngọc B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ số tiền 96.250.000đồng (Cn mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu rút 6.000.000đồng tiền thuê đất của ông Trần Văn B1 đối với bị đơn Thân Ngọc B. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục chung khi có yêu cầu. Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng C cùng liên đới bồi thường với bị đơn theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ có đơn kháng cáo. Ngày 19 tháng 11 năm 2019 bị đơn ông Thân Ngọc B có đơn kháng cáo. Ông Đ và ông B kháng cáo bản án sơ thẩm số 121/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang yêu cầu xem xét sửa án sơ thẩm:

Ông Đ yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Ông B yêu cầu xem xét những thiệt hại của ông trong thời gian ông Đ chạy đò (thời gian khoảng 13 tháng), yêu cầu ông Đ có trách nhiệm hỗ trợ phần bến bãi và đường lên bị xuống cấp.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại cho ông kể từ ngày 20/9/2016 đến ngày 12/7/2017 là 146.000.000đồng do ông B có lỗi làm cho ông không đưa đò được trong thời gian này.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông B đồng ý trả lại cho ông Đ 25.000.000đồng tiền hùn làm đường và đồng ý trả lại 1.250.000 đồng tiền thuê đất cho ông Đ. Không đồng ý bồi thường 45.000.000đồng thiệt hại cho ông Đ, giấy phép bị rút là do tranh chấp giữa ông Đ và ông C không liên quan tới ông.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn gửi bài bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng: Tiền mất thu nhập trong thời gian 09 tháng 22 ngày là 219 triệu theo thỏa thuận mỗi người đưa đò 15 ngày thì tiền thiệt hại của ông Đ là 109.500.000đồng, do lỗi của ông B cho ông C đưa đò nên ông Đ không khai thác được nên bị thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn tổng cộng 162.000.000đồng trong đó 109.500.000đồng tiền thiệt hại, 50.000.000 đồng tiền hùn làm đường, 2.500.000đồng tiền thuê đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành

đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ và bị đơn ông Thân Ngọc B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ, bị đơn ông Thân Ngọc B kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc ông Đ và ông B hợp đồng hợp tác bến đò là sự thỏa thuận hợp tác trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không ai ép buộc hay lừa dối và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo văn bản số 377/GPBKNS ngày 12 tháng 7 năm 2016, theo đó ông B và ông Đ phân cử chia tài 15 ngày/tháng.

Tuy nhiên sau khi được cấp phép và hoạt động theo thỏa thuận, khi đến cử hoạt động của ông Đ thì ông C ngang nhiên vào tranh giành đưa khách cập vào đầu bến của ông B nhưng ông B không có động thái ngăn cản, phản đối hay có ý kiến gì với ông C vì ông B có lập thêm hợp đồng thỏa thuận với ông C ngày 02/9/2014 nhưng không nói cho ông Đ biết và không xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi xin cấp phép hoạt động bến đò. Mặt dù, tại đoạn cuối của biên bản phân cử chia tài ngày 07/7/2016 có thỏa thuận “Nếu có khó khăn phát sinh hai bên cùng nhau bàn bạc và cùng tìm ra biện pháp giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho hai bên, bên nào tự ý mà không có sự thông qua của cơ quan có thẩm quyền làm sai thỏa thuận thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Từ đó cho thấy, việc ông B lập hợp đồng với ông C, không nói cho ông Đ biết sự việc, không ngăn cản việc ông C đưa đò vào những ngày ông Đ cập bến bên ông B quản lý là trái với thỏa thuận của hai bên. Căn cứ khoản 2 Điều 419, Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc ông Đ yêu cầu ông B bồi thường là có căn cứ. Tuy nhiên, yêu cầu của nguyên đơn có một số điểm chưa phù hợp.

Về thời gian yêu cầu tính bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian không hoạt động tính từ ngày 20/9/2016 đến ngày Sở giao thông vận tải đình chỉ hoạt động là ngày 20/01/2017 tương đương 04 tháng, căn cứ vào biên bản phân cử chia tài mỗi người 15 ngày/ tháng thì nguyên đơn chỉ thiệt hại 02 tháng là 60 ngày là có căn cứ. Mặt khác, Tại phiên tòa sơ thẩm các bên thống nhất sau khi trừ chi phí thì tiền lời còn lại khoảng 700-800.000đồng/ngày nên xác định mức thu nhập bình quân là 750.000đồng/ngày và được các bên thống nhất là phù hợp. Do vậy, số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường 146.000.000đồng là không có cơ sở chấp nhận toàn bộ, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu: Buộc bị đơn bồi thường số tiền thiệt hại là 45.000.000đồng (60 ngày x 750.000đồng) cho ông Đ.

Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 50.000.000đồng tiền hùn đầu tư bến bãi cùng với ông B: Sau khi đầu tư hoạt động bến đò từ ngày 10/6/2016 đến ngày 20/9/2016 là chưa lâu mới được 03 tháng, tuy có hao mòn giảm giá trị

nhưng không lớn, hiện ông B vẫn đang khai thác, sử dụng nên buộc ông B trả giá trị đầu tư bến bãi 50.000.000đồng cho ông Đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu buộc ông B trả tiền thuê đất để lên đầu bến 2.500.000đồng/năm: Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đ cũng có thời gian hoạt động nhất định và có khai thác hưởng lợi từ việc đưa đò nên chỉ chấp nhận một nửa số tiền là 1.250.000đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nên nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ và bị đơn ông Thân Ngọc B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 202, Điều 217, Điều 218, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 468, Điều 419, Điều 584 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ và bị đơn ông Thân Ngọc B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 121/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 32/2019/QĐ-SCBSBA ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ đối với bị đơn ông Thân Ngọc B.

Buộc bị đơn ông Thân Ngọc B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ số tiền bồi thường thiệt hại là 45.000.000đồng, tiền đầu tư bến bãi là 50.000.000đồng, tiền thuê đất của ông B là 1.250.000đồng. Tổng cộng là 96.250.000đồng (Chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Thân Ngọc B bồi thường 6.000.000đồng tiền thuê đất của ông Trần Văn B1. Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng C

cùng liên đới bồi thường với bị đơn theo quy định. Các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo thủ tục chung khi có yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 5.112.500đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015257 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông Nguyễn Hồng Đ được nhận lại 100.000đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn ông Thân Ngọc B phải chịu án phí là 4.812.000đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001532 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Bị đơn ông Thân Ngọc B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001533 ngày 19 tháng 11 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 24 tháng 4 năm 2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND Huyện L, Hậu Giang;
- Chi cục THADS Huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh